

Light

FREEDOM S1PS MID

FYTS1PSMID

Giày an toàn [illegible] **và** [illegible] **kỳ mái** [illegible]
mũi giày an toàn [illegible] **theo** [illegible]
[illegible] **nhiên**

[illegible] **giày an toàn** [illegible] **này,** [illegible]
nhiên và [illegible] **sinh hàn chân. FREEDOM S1PS mái vòm** [illegible]
mũi giày an toàn [illegible] **ESD và**
khả năng [illegible] **thoáng khí và hoàn**
toàn không [illegible] **kim** l



BLK

Những vật liệu cao cấp [illegible] may D	
[illegible] 3D tái chế (100% tái chế)	
[illegible] chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
[illegible] không dệt và	
[illegible]	ETPU/CAO SU
[illegible]	Nanocarbon
[illegible]	S1 PS / SR, SC, FO, HI, HRO, CI, ESD
[illegible] vi kích thước	EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0 JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330
[illegible] thép	0.585 kg
[illegible]	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

Barefoot-like walking
Anatomical toecap: barefoot-like walking for natural movement and reduced fatigue.



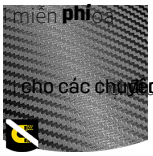
[illegible] **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót [illegible] lên cơ thể ng



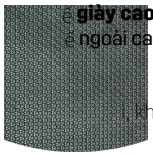
Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, [illegible] kim l



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ [illegible] lâu hơn.



Kim l
Giày an toàn không có [illegible] giày an toàn thông thường. Chúng cũng [illegible]



giày cao su
[illegible] cao su cung cấp các tính năng linh hoạt giúp chúng [illegible] ứng dụng: khả năng chống cắt [illegible] chịu nhiệt và độ lạnh, tính linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả năng [illegible] và nhiều l

Công nghiệp n:

Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n g nhiệ p , hậ

ường: **Môi** t

rư ờn g môi khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẳng cách xa nhiệt độ cao

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết quả	đơn vị đo lường
Nhữ n g vật liệu máy D cao cấp h ơn				
	Top: khả năng chống mỏi	? 0.8	32.71	mg/cm/giờ
	Top: hình thái học	? 15	262	mg/cm2
ót bên trong	i 3D tái chế (100% tái chế)			
	Lớp lót: chống mỏi	? 2	37.07	mg/cm/giờ
	lót: hình thái học	? 20	297	mg/cm2
rong	Đ ệ m chân SJ làm t ừ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)			
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ
goài	Đ ETPU/CAO SU			
	Ch ố n g trượt đế ngoài (mài mòn tích	? 150	114	mm
	Chư ố ợt trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.47	ma sát
	rư Cợt cố ợt bằng - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.45	ma sát
	rư Cợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.35	ma sát
	Chư ố ợt trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.32	ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	42.6	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	20	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20	33	J
Đ ứ n g đầ	Nanocarbon			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	16.5	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	23.0	mm

kích thước thép: 42

a chú Giày bảo hộ có thể thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ết quả	đơn vị đo lường
i CO# thải			
	V ật l iệu	5.25	kg
	Bao bì	0.13	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		7.53 kg CO2/cặp	

	Sự miêu t ả	ết quả	K
ệ vật l Tiệ ỷ tái chế			
	Product	19%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:

ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] và có thể thay đổi.